

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH GIA LAI

Căn cứ Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Ngày 28/12/2015, bà Rah Lan B nộp Đơn khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đào Văn L, kèm theo Đơn khởi kiện, bà Rah Lan B đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan, trong đó có Biên bản hòa giải ngày 08/7/2015 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai của UBND xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện S nhận thấy trình tự, thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai của UBND xã P, thành phần Hội đồng hòa giải cũng như các nội dung của Biên bản hòa giải ngày 08/7/2015 chưa đúng quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 88. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai

1. Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Thăm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất;

b) Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện

Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

c) Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

2. Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận.

Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã... ”.

Theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì tranh chấp đất đai phải qua thủ tục hòa giải tại UBND cấp xã và đây là điều kiện để khởi kiện vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Do thủ tục hòa giải của UBND xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa bà Rah Lan B, ông Đào Văn L được xem là chưa qua hòa giải tại UBND cấp xã và chưa đủ điều kiện để khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 101/2015/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2015 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Rah Lan B; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Rah Lan B: Ông Rah Lan S; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Theo văn bản ủy quyền số 01 do UBND xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai chứng thực ngày 04/01/2016.

- Bị đơn: Ông Đào Văn L; Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Đức Q; Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai.
2. Ông Nguyễn Thế Ch và bà Nguyễn Thị Th; Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai.
3. Anh Trần Văn Th và chị Trần Thị B; Địa chỉ: Thôn 4, xã P, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Rah Lan B: Bà Trương Thị Ph, là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1. Về quyền khởi kiện:

Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Bà Rah Lan B là người yêu cầu Tòa án thẩm định, định giá tài sản phải chịu phí phí tổng cộng là 7.323.000đ (Bảy triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng). Bà B đã nộp đủ số tiền này theo các Phiếu thu ngày 23/5/2016, ngày 13/6/2016 và ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Rah Lan B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005085 ngày 28/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Gia Lai.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

(Đã ký, đóng dấu)

Đoàn Ngọc Tú